

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày: 20/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**
2. Ông **Nguyễn Văn Thử**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Bé Năm** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS, ngày 04 tháng 01 năm 2019 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS, ngày 11/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 25/01/2019), đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thanh D**, sinh ngày 03/9/2000, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh D và bà Dương Thị Hoa T; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 18/10/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Người bị hại:

1. Bà **Trần Thị Thúy D**, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Trà Q, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Ba R, xã Đại H, huyện Kế S, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

3. Ông **Quách Thanh C**, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp An T, xã An H, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

4. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

5. Bà **Dương Thị Hoa T**, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác: (Người làm chứng):*

1. Ông **Nguyễn Văn Bé T**, sinh năm 1958; nơi cư trú: số 147/11, đường Nguyễn Văn C, phường An H, quận Ninh K, thành phố Cần T (vắng mặt).

2. Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 17/9/2018, bị cáo Phạm Thanh D đi bộ từ nhà ra ruộng để tìm nơi dùng xung điện xiết chuột. Khi đi ngang nhà của bà D, thì D phát hiện thấy bà D đưa con đi học và nhà không có người trông giữ, nên D nảy sinh ý định lén lút đột nhập vào nhà bà D để chiếm đoạt tài sản. Tiếp đó, D vòng ra cửa sau đi vào nhà bà D, rồi D dùng tay mở cánh cửa tủ nhôm, thì phát hiện có 01 cái hộp màu đỏ, bên trong có 03 chiếc nhẫn trơn đeo tay (mỗi chiếc có trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara) và 02 sợi dây chuyền (trong đó, 01 sợi có trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara và 01 sợi (có gắn mặt dây chuyền) có trọng lượng 3,5 chỉ vàng 24 kara), nên D đã chiếm đoạt toàn bộ số vàng nói trên. Như vậy, tổng cộng tài sản mà D đã lén lút chiếm đoạt của bà D là 11,5 chỉ vàng 24 kara.

Sau khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số vàng nói trên của bà D, thì đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 83P1-110.12 chạy đến tiệm vàng “Kim Chi”, thuộc ấp Ba R, xã Đại H, huyện Kế S, tỉnh Sóc T (do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm chủ) bán 01 chiếc nhẫn vàng được số tiền 3.290.000 đồng. Tiếp đó, D điều khiển xe chạy đến tiệm vàng “Tán Giàu”, thuộc ấp Trà Q A, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (do bà Nguyễn Thị Thu T làm chủ) bán 02 chiếc nhẫn vàng được số tiền 6.560.000 đồng. Sau đó, D điều khiển xe đi đến chơi tại nhà bác của D ở cồn Mỹ Phước, thuộc xã Nhơn M, huyện Kế S, tỉnh Sóc T. Đến ngày 18/9/2018, D điều khiển xe chạy đến tiệm vàng “Thanh Cần”, thuộc ấp An T, xã An H, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (do ông Quách Thanh C làm chủ) bán 02 sợi dây chuyền vàng nói trên được số tiền 25.615.000

đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền mà D bán số vàng chiếm đoạt được của bà D là 35.465.000 đồng. Sau đó, D tiêu xài hết 7.365.000 đồng, còn lại số tiền 28.100.000 đồng, thì D mang về nhà cất giấu trong phòng ngủ mình.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, thì bà Trần Thị Thúy D đã đến cơ quan Công an xã Hồ Đắc Kien để trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tố giác, xét thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự, nên Công an xã Hồ Đắc Kien đã chuyển tố giác tội phạm nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình kiểm tra, xác minh, do nghi vấn, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành mời Phạm Thanh D đến cơ quan để làm việc và ghi lời khai. Tại đây, Phạm Thanh D khai nhận đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 11,5 chỉ vàng 24 kara của người bị hại Trần Thị Thúy D.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/2018/HĐĐG-TCKH, ngày 02/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng kết luận: tổng tài sản là 11,5 chỉ vàng 24 kara, tại thời điểm ngày 17/9/2018, có tổng giá trị thành tiền là 39.376.000 đồng.

Đến ngày 18/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phạm Thanh D, về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ:

- 01 chiếc hộp bằng nhựa, hình tròn, màu đỏ, trên nắp hộp có in dòng chữ “Vàng bạc đá quý”.
- Số tiền Việt Nam: 28.100.000 đồng (thu giữ của bị cáo Phạm Thanh D).

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ, ngày 26/11/2018, giao trả các tài sản nêu trên cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Thúy D.

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thanh D đã nhờ mẹ ruột của bị cáo là bà Dương Thị Hoa T bồi thường thiệt hại tài sản là 11,5 chỉ vàng 24 kara cho người bị hại Trần Thị Thúy D. Đến nay, người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Tại cáo trạng số 04/CT-VKS-CT, ngày 18/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã truy tố Phạm Thanh D, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; các điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt bị cáo Phạm Thanh D mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Phạm Thanh D đã nhờ mẹ ruột của bị cáo là bà Dương Thị Hoa T bồi thường thiệt hại tài sản là 11,5 chỉ vàng 24 kara cho

người bị hại Trần Thị Thúy D. Đến nay, người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Mỹ H, Quách Thanh C và những người làm chứng: Nguyễn Văn Bé T, Trần Văn C, Trần Văn H, Nguyễn Thị H, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận định giá về tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Từ những tình tiết trong vụ án cho thấy, hành vi của bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gồm: 01 cái hộp màu đỏ, bên trong có 03 chiếc nhẫn trơn đeo tay (mỗi chiếc có trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara) và 02 sợi dây chuyền (trong đó, 01 sợi có trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara và 01 sợi (có gắn mặt dây chuyền) có trọng lượng 3,5 chỉ vàng 24 kara), có tổng giá trị theo kết luận định giá tài sản là 39.376.000 đồng. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật, không oan cho bị cáo. Cụ thể, khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;
- đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ra của cải vật chất, nhưng lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Như vậy, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Cũng cần xem xét hiện nay, tại địa bàn nông thôn và các khu dân cư đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản, gây hoang mang trong dư luận, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống tội phạm trộm cắp tài sản. Do đó, xét thấy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo, nhằm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và cũng để phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà Nguyễn Thị Thu T: trong quá trình điều tra, bà Hạnh và bà Thảo không xác định được có mua các nhẫn vàng của bị cáo D hay không, vì hàng ngày lưu lượng khách hàng đến tiệm vàng để giao dịch, mua bán rất đông, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quách Thanh C: trong quá trình điều tra, đã chứng minh được ông Cần không biết số vàng trên là do bị cáo D phạm tội mà có, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Quách Thanh C.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Cho nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thanh D đã nhờ mẹ ruột của bị cáo là bà Dương Thị Hoa T bồi thường thiệt hại tài sản là 11,5 chỉ vàng 24 kara cho người bị hại Trần Thị Thúy D. Đến nay, người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử lý xong vật chứng của vụ án, nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thanh D là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo **Phạm Thanh D**, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1, Điều 173; các điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 135; khoản 2, Điều 136; Điều 299; Điều 333 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thanh D** 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thanh D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thì được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH, NCLQ;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân